

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 7 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn, con
chung, nợ chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phi Hùng
2. Ông Đỗ Minh Tân

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Thọ-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 527/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, con chung, nợ chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Tân Ph, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp Tân M, xã Tân Phú T, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Ấp Tân A, xã Tân B, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Th, chị Th có mặt; bà C có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Trần Quốc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2006 anh Th và chị Th quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu, được gia đình 02 bên chấp thuận nên tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn, được UBND xã Tân Phú cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/3/2006.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2012 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2012 cho đến nay.

Do thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Trần Quốc T quyết định xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Th.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Bích Th, sinh ngày 05/12/2006 hiện cháu Th đang sống chung với chị Th. Khi ly hôn anh Th đồng ý giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi, anh Th đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Th trưởng Thành. Tại phiên tòa anh Th thay đổi yêu cầu, anh Th đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Th xác định không có nợ chung. Không có nợ bà Nguyễn Thị Cúc 01 lượng vàng 24kra nên anh Th không đồng ý trả vàng theo yêu cầu của bà C.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị Th thông nhất theo lời trình bày của anh Th về quan hệ hôn nhân. Chị và anh Th quen biết và tiến đến hôn nhân vào năm 2006. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm.

Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị Th cũng đồng ý ly hôn với anh Trần Quốc T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Bích Th, sinh ngày 05/12/2006. Khi ly hôn chị đồng ý nuôi con chung và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Th trưởng Thành.

Tại phiên tòa, chị Th thay đổi yêu cầu, yêu cầu Hội đồng xét xử buộc anh Th cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vào năm 2006 khi vợ chồng chị kết hôn xong, anh Th làm công trên thành phố Hồ Chí Minh do công việc không ổn định nên sau đó vợ chồng bàn bạc mượn 01 lượng vàng 24Kra của bà Nguyễn Kim C (chị ruột chị Th) để mua bọc xộp về bán. Việc mượn vàng chỉ có chị, anh Th, bà C biết, khi nhận vàng thì cũng không có làm giấy tờ gì và cũng không ai chứng kiến. Sau khi mượn vàng xong thì vợ chồng chị đem vàng ra tiệm vàng bán rồi lấy tiền đưa cho anh Th lên thành phố Hồ Chí Minh mua bọc về nhà bán lại. Nên nay anh Th ly hôn thì anh Th phải có trách nhiệm cùng chị trả cho bà C 01 lượng vàng 24Kra.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim C vắng mặt nhưng theo biên bản đối chất thì bà C trình bày: Thời gian cụ thể thì không nhớ nhưng trước đây bà C có cho vợ chồng anh Trần Quốc T và chị Nguyễn Thị Th mượn 01 lượng vàng 24Kra (dây chuyền, lắc) để họ mua bọc xộp bán lại. Bà C giao vàng cho hai vợ chồng anh Th tại nhà bà C, việc này chỉ có bà C, anh Th, chị Th biết. Khi cho mượn vàng thì bà C không có làm giấy tờ gì hết vì bà C và chị Th là chị em ruột. Nay bà Nguyễn Kim C chỉ yêu cầu anh Trần Quốc T trả cho bà C 01 lượng vàng 24Kra, không yêu cầu chị Th liên đới trả vì Thoa còn thiếu tiền cất nhà của bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án (có bài phát biểu kèm theo):

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Quốc T và chị Nguyễn Thị Th.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa anh Th và chị Th. Giao cháu Trần Bích Th, sinh ngày 05/12/2006 cho chị Th trực tiếp nuôi sau khi ly hôn.

+ Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa anh Th đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật và chị Th thay đổi yêu cầu, yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Th cấp dưỡng nuôi cháu Th mỗi tháng bằng 1/2 mức lương cơ bản do Nhà nước quy định.

+ Về tài sản chung: Đương sự trình bày không có nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Bà C cho rằng anh Th và chị Th có mượn bà C 01 lượng vàng 24Kv nhưng không có gì chứng minh. Chị Th thì thừa nhận 01 lượng vàng này là nợ chung của vợ chồng nhưng giữa bà C và chị Th là chị em ruột nên lời khai chị Th không được khách quan. Hơn nữa bà C cho rằng 01 lượng vàng là nợ chung của anh Th, chị Th nhưng bà C lại chỉ yêu cầu anh Th trả là không hợp lý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Kim C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Kim C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà C.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét anh Th và chị Th trên cơ sở tìm hiểu, được gia đình hai bên chấp thuận nên tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Phú cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/3/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của các đương sự thống nhất trình bày: Thời gian đầu vợ chồng anh Th, chị Th sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 5 năm 2012 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2012 cho đến nay.

Vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên anh Trần Quốc T yêu cầu ly hôn vợ chị Th. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa chị Th cũng thống nhất ly hôn với anh Th.

Qua đó Hội đồng xét xử xét thấy, đời sống vợ chồng giữa anh Th và chị Th không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuộc trường hợp đề cho ly hôn. Do anh Th và chị Th tự nguyện ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[2.2] Về con chung: Các đương sự xác định, trong thời kỳ hôn nhân giữa anh Trần Quốc T và chị Nguyễn Thị Th có 01 con chung là Trần Bích Th, sinh ngày 05/12/2006 hiện cháu Th đang sống chung với chị Th. Khi ly hôn anh Th đồng ý giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi, anh Th đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật và chị Th cũng yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét thấy như sau:

Từ khi anh Th và chị Th ly thân thì cháu Th được chị Th chăm sóc cho đến nay, đồng thời theo ý kiến của cháu Th thể hiện: *“Nếu cha mẹ ly hôn thì con yêu cầu được sống chung với mẹ”*.

Xét việc anh Th đồng ý giao cháu Th cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với mức cấp dưỡng: Theo Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc cấp dưỡng nuôi con phải đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho cháu Th và căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của anh Th. Do anh Th, chị Th không thỏa thuận được mức cấp dưỡng, thống nhất việc cấp dưỡng trên cơ sở quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử trên tinh thần quy định về việc cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên tại Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án Tối cao để giải quyết.

Hiện theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 quy định mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng.

Như vậy đối chiếu quy định trên, trường hợp các bên không thỏa thuận được thì anh Th buộc phải cấp dưỡng cho cháu Th tối thiểu mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi cháu Th trưởng thành.

Nên xét việc chị Nguyễn Thị Th yêu cầu anh Trần Quốc T cấp dưỡng nuôi con Trần Bích Th theo quy định pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Do các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà C cho rằng trước đây vợ chồng anh Th, chị Th có mượn bà 01 lượng vàng 24Kr nên yêu cầu anh Th trả 01 lượng vàng 24Kr, không yêu cầu xem xét trách nhiệm liên đới giữa anh Th và chị Th, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh Th không thừa nhận có việc mượn vàng của bà C và bà C lại không có tài liệu gì chứng minh, không có người làm chứng ngoài việc chị Th thừa nhận việc này. Tuy nhiên xét mối quan hệ giữa bà C và chị Th là chị em ruột nên lời khai của chị Th không là chứng cứ khách quan để xác định bà C có cho anh Th, chị Th mượn 01 lượng vàng 24Kr.

Đồng thời, theo chị Th trình bày thì thời điểm bà C cho mượn vàng, lúc này anh Th đang ở rể bên gia đình chị Th, mọi khoản chi tiêu gia đình đều do chị Th nắm giữ nhưng chị Th lại không chứng minh được đây là khoản nợ chung của vợ chồng.

Nếu bà C cho rằng anh Th, chị Th mượn 01 lượng vàng thì khi chị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Th vào năm 2014, đáng lẽ bà C phải yêu cầu vợ chồng anh Th trả 01 lượng vàng này nhưng trong suốt thời gian đó đến nay đã hơn 6 năm bà C không khởi kiện. Nay khi bà C khởi kiện thì không đưa ra được chứng cứ nào.

Bà C, chị Th luôn xác định 01 lượng vàng là nợ chung của anh Th, chị Th, nhưng bà C lại chỉ yêu cầu anh Th trả vàng cho bà C là không phù hợp.

Do đó, việc bà Nguyễn Thị Cúc yêu cầu anh Trần Quốc T có trách nhiệm trả cho bà 01 lượng vàng 24Kr là không có cơ sở chấp nhận.

Còn việc chị Th thừa nhận có mượn vàng của bà C nhưng bà C không yêu cầu chị Th trả, không yêu cầu Tòa án xem xét trách nhiệm liên đới của vợ chồng anh Th, chị Th nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83, 116 Luật hôn nhân gia đình; Điều 463 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Quốc T và chị Nguyễn Thị Th.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Bích Th, sinh ngày 05/12/2006 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi sau khi ly hôn.

Chị Th và các thành viên trong gia đình chị Th không được cản trở anh Th đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Th, buộc anh Trần Quốc T cấp dưỡng cho cháu Trần Bích Th mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01/8/2020.

4. Về tài sản chung Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Kim C về việc yêu cầu anh Trần Quốc T trả cho bà C 01 lượng vàng 24Kra.

6. Về án phí: Ông Trần Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0007240 ngày 16/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Anh Th phải nộp thêm 300.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Th được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007645 ngày 01/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Bà Nguyễn Kim C phải chịu 2.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0007585 ngày 15/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà C phải nộp thêm 1.450.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Văn Bình

